

Bản án số: 183/2020/HC-PT

Ngày: 10/06/2020

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Thanh Tùng

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Đắc Minh

bà Phạm Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: ông Thân Văn Nhường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Phụng, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 06 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 675/2019/TLPT-HC ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”;

Do bản án hành chính sơ thẩm số 63/2019/HC-ST ngày 29/08/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 855/2020/QĐ-PT ngày 25/05/2020 giữa các đương sự:

1/Người khởi kiện:

1.1/Ông Phạm Hoài T, sinh năm 1966 (vắng mặt);

1.2/Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 1544 - 1546 đường 30/4, phường 12, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện (văn bản ủy quyền ghi ngày 08/01/2019):

Ông Lê Vương C, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: 45 Phan Văn Trị, phường TT, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

2/Người bị kiện:

Ủy ban nhân dân thành phố VT, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu (vắng mặt do có văn bản ghi ngày 18/03/2019, yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện (văn bản 18/03/2019):

Ông Cao Văn T, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt);

3/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt do có văn bản ghi ngày 18/03/2019 yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Người kháng cáo:

Ủy ban nhân dân thành phố VT, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu, là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện là ông Phạm Hoài T trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Vào ngày 08/11/2016, Ủy ban nhân dân thành phố VT (UBND Tp.Vũng Tàu), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (tỉnh BR-VT) ra quyết định số 9866/QĐ-UBND (quyết định số 9866) về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ và tái định cư cho ông Phạm Hoài T, bà Nguyễn Thị Thu H khi thu hồi đất thuộc công trình cải tạo, nâng cấp đường 30/4, đoạn từ ngã 3 Chí Linh đến Eo Ông Từ, thành phố VT.

Theo quyết định nói trên, diện tích đất bị thu hồi là 47m² thuộc thửa 801 và 802, tờ bản đồ số 26A mới; bồi thường 47m² đất nông nghiệp; bồi thường hoa màu cây trái, hỗ trợ một số vật kiến trúc; không bồi thường sân xi măng (7,5m x 3,2m) do phần này xây dựng trên lề đường.

Ông T không đồng ý và khiếu nại, yêu cầu như sau: phần diện tích 47m² phải bồi thường đất ở; phải bồi thường thêm 02 trụ cổng; phải thu hồi và bồi thường bổ sung phần đối với diện tích còn thiếu so với diện tích đất mà ông T đang sử dụng.

Vào ngày 15/01/2018, UBND Tp.Vũng Tàu ra quyết định số 153/QĐ-UBND (quyết định số 153) về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (bổ sung) cho ông Phạm Hoài T, bà Nguyễn Thị Thu H, cụ thể là bồi thường bổ sung diện tích 47m² là đất ở; hỗ trợ thêm 02 trụ cổng.

Vì không đồng ý, ông T tiếp tục khiếu nại quyết định 153 về phần diện tích đất thực tế còn thiếu ($61,2\text{m}^2$).

Vào ngày 16/11/2018, Chủ tịch UBND Tp.Vũng Tàu ra quyết định số 7932/QĐ-UBND (quyết định 7932) về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Thanh (yêu cầu thu hồi, bồi thường bổ sung diện tích thực tế còn thiếu là $61,2\text{m}^2$ theo giá đất ở). Theo quyết định này, Chủ tịch UBND Tp.Vũng Tàu bác khiếu nại của ông T, giữ nguyên quyết định số 153.

Vào ngày 08/01/2019 ông T, bà H khởi kiện quyết định số 153, yêu cầu UBND thành phố VT thực hiện việc thu hồi, bồi thường diện tích đất thực tế 110m^2 theo loại đất ở (đã thu hồi, bồi thường 47m^2 đất ở, diện tích còn thiếu chưa bồi thường là 63m^2 đất ở).

Ông T trình bày các căn cứ khởi kiện của đương sự như sau:

-Về diện tích đất thực tế:

Bản vẽ nhà (không ghi ngày, tháng) để xin cấp chủ quyền nhà lập năm 1991 thể hiện đường 30/4 rộng chỉ 11 mét. Sơ đồ vị trí lập ngày 10/05/2004 của Phòng Địa chính thành phố VT thể hiện đường 30/4 rộng 10,5 mét; từ 11m trở lại là phần diện tích đất ông T sử dụng hợp pháp.

Bản đồ lồng ghép bản đồ địa chính năm 1993 với bản đồ thu hồi đất năm 2012 thể hiện diện tích đất sử dụng thực tế (theo bản đồ địa chính năm 1993) lớn hơn diện tích đất thu hồi, cụ thể là: chiều ngang 17 mét (của cả 2 thửa 801, 802) x chiều sâu thu hồi 6,5m. Như vậy, diện tích đất thực tế bị thu hồi là 110m^2 , lớn hơn diện tích đất đã có quyết định thu hồi (là 47m^2).

Vào ngày 22/07/2004, UBND thành phố VT cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa 801 cho ông T, bà H với diện tích là 402m^2 , trong đó có 230m^2 là đất ở, còn lại 172m^2 là đất nông nghiệp.

Vào ngày 13/10/2005, UBND Tp.Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa 802 cho ông T, bà H với diện tích 615m^2 , trong đó đất ở là 500m^2 còn lại là 115m^2 đất trồng cây lâu năm.

Tổng diện tích đất theo hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên là 1.017m^2 , có 730m^2 đất ở, còn lại là đất nông nghiệp. Như vậy, phần đất thu hồi là 47m^2 , phần còn lại theo giấy chứng nhận QSDĐ là 970m^2 .

Theo hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp, thì diện tích 47m^2 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp, không có diện tích 63m^2 mà ông T sử dụng thực tế. Tuy nhiên, ông T đã sử dụng phần diện tích 63m^2 đất này từ trước ngày 18/12/1980. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004, 2005 thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã trừ đi diện tích dự kiến mở đường nên không có phần diện tích đất 63m^2 . Vì vậy, theo Điều 12 của Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, khi thu hồi thì UBND phải xác định lại diện tích đất theo diện tích sử dụng thực tế.

-Về bồi thường đất ở:

Diện tích đất đã thu hồi (47m^2 thuộc cả 2 thửa 801, 802); trên 2 thửa đất này đều đã có nhà ở từ trước ngày 18/12/1980 (trên thửa 801 có giấy chứng nhận đã kê khai đăng ký kê khai nhà số 141 ngày 07/01/1978, người kê khai là Trần Thị Hương, diện tích sử dụng chính là $49,64\text{m}^2$; trên thửa 802 có đơn xin cấp chủ quyền nhà lập ngày 08/03/1991, thể hiện có căn nhà trên thửa 802 được xây dựng từ năm 1966, có xác nhận là đã đăng ký nhà đất trong sổ bộ thuế thổ trạch tại trạm thuế từ năm 1978; tại biên bản họp tổ dân phố lập ngày 08/3/1991 cũng đã xác nhận có 02 căn nhà làm từ năm 1966, 1968).

Như vậy, khi Nhà nước thu hồi đất thì theo Khoản 5 Điều 24 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, phải xác định lại đất ở theo quy định “*hạn mức đất ở không quá 5 lần*”, cụ thể là 750m^2 theo Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013. Do đó, khi thu hồi đất thì UBND phải bồi thường theo đất ở, phải ra quyết định thu hồi, bồi thường bổ sung diện tích 63m^2 đất ở và không được lấy diện tích đất đã thu hồi 47m^2 để trừ vào diện tích đất ở đã cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H như sau:

- Yêu cầu UBND thành phố VT ra quyết định thu hồi, bồi thường bổ sung đối với diện tích đất thực tế sử dụng là 63m^2 đất ở (theo đo đạc thuộc lô A, diện tích là $56,5\text{m}^2$);

- Hủy bỏ việc điều chỉnh ngày 21/02/2018 đối với diện tích đất ở trong hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 308743 cấp ngày 22/07/2004 thuộc thửa số 801 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 552900 cấp ngày 13/10/2005 thuộc thửa 802 đối với diện tích đất 47m^2 đất ở.

Người bị kiện là UBND thành phố VT trình bày ý kiến như sau:

Diện tích của hai thửa đất số 801, 802 kê khai, đăng ký từ trước đến nay là nhỏ hơn diện tích đất được công nhận quyền sử dụng theo hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 308743 cấp ngày 22/07/2004 thửa 801 và số AC 552900 cấp ngày 13/10/2005 thửa 802).

Theo sơ đồ lập ngày 10/05/2004 (tỉ lệ 1/500), diện tích đất mà ông T yêu cầu UBND Tp.Vũng Tàu ra quyết định thu hồi, bồi thường bổ sung là diện tích đất thuộc lề đường 30/4 ($4,6\text{m}$); phần này không thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T (nằm ngoài khuôn viên sử dụng đất có tường rào); phần đất bị thu hồi, được bồi thường (47m^2) là phần đất nằm trong khuôn viên sử dụng đất có tường rào.

Do vậy, căn cứ Điều 75; Điều 79 Luật Đất đai năm 2013; Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, thì việc thu hồi, bồi thường diện tích 47m^2 đất ở là có căn cứ pháp luật; yêu cầu của ông T đòi UBND thành phố VT ra quyết định thu hồi, bồi thường bổ sung đối với diện tích đất thực tế sử dụng 63m^2 đất ở, là không có căn cứ pháp luật.

Đối với yêu cầu của ông T đòi “Hủy bỏ việc điều chỉnh ngày 21/02/2018 đối với diện tích đất ở trong hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 308743 cấp ngày 22/07/2004 thuộc thửa 801 và số AC 552900 cấp ngày 13/10/2005 thuộc thửa 802 đối với diện tích đất 47m² đất ở”, UBND Tp.Vũng Tàu có ý kiến như sau:

-Diện tích đất 47m² bị thu hồi, bồi thường đất theo loại đất ở, nên việc UBND Tp.Vũng Tàu trừ diện tích đất ở (đã thu hồi bồi thường này) vào diện tích đất ở của giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất đã cấp, là đúng. Sau đó, việc xác định lại diện tích đất ở sẽ thực hiện theo một quy trình riêng khác; khi ông T có đơn yêu cầu, sẽ được UBND Tp.Vũng Tàu xem xét theo quy định chung.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 63/2019/HC-ST ngày 29/08/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu đã quyết định như sau:

-Đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về việc “ *Hủy bỏ việc điều chỉnh ngày 21/02/2018 đối với diện tích đất ở trong hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ308743 ngày 22/07/2004 thuộc thửa 801 và số AC 552900 ngày 13/10/2005 thuộc thửa 802 đối với diện tích 47m² đất ở*”;

-Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoài T, bà Nguyễn Thị Thu H đối với “Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của UBND thành phố VT; yêu cầu UBND thành phố VT ban hành quyết định thu hồi, bồi thường bổ sung đối với diện tích đất thực tế sử dụng”;

-Hủy quyết định số 7932/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của Chủ tịch UBND thành phố VT về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Phạm Hoài T về nội dung “*Bác khiếu nại của ông Phạm Hoài T đối với yêu cầu thu hồi, bồi thường bổ sung diện tích 61,2m² theo giá đất ở*”;

-Buộc UBND thành phố VT ban hành quyết định thu hồi, bồi thường bổ sung đối với diện tích đất thực tế sử dụng là 56,5m² loại đất ở thuộc lô A theo sơ đồ đo vẽ ngày 12/09/2017 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai Tp.Vũng Tàu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/09/2019, người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, lý do như sau:

-Phần đất có diện tích 56,5m² mà bản án sơ thẩm buộc UBND Tp.Vũng Tàu phải ra quyết định thu hồi và bồi thường bổ sung cho ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H là phần đất không thuộc phạm vi quyền sử dụng của ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho đương sự, là phần đất không thuộc diện tích đất đã kê khai, đăng ký; phần đất này là đất lề đường, thuộc đất dành cho giao thông. Vì vậy, việc

Tòa án cấp sơ thẩm buộc UBND Tp.Vũng Tàu phải ra quyết định thu hồi, bồi thường bổ sung, là không có căn cứ pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bên đương sự trình bày ý kiến như sau:

-UBND Tp.Vũng Tàu vắng mặt do có văn bản yêu cầu được vắng mặt khi xét xử vụ án; UBND Tp.Vũng Tàu vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã nêu ở phần trên;

-Người khởi kiện là ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H, do ông Lê Vương C làm đại diện, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H cũng thừa nhận rằng diện tích đất 56,5m² mà bản án sơ thẩm buộc UBND Tp.Vũng Tàu ra quyết định thu hồi, bồi thường bổ sung, là phần đất không thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 801, 802 đã cấp cho ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H vào các năm 2004-2005. Tuy nhiên, người đại diện của ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H cho rằng trước đây, phần đất này do ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H sử dụng. Đến năm 2004-2005 khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND Tp.Vũng Tàu xác định rằng phần đất này (56,5m²) dự kiến sẽ mở đường nên không đồng ý công nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H. Sau đó, kể từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến hôm nay, ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H không khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

-Về tố tụng: các đương sự và Tòa án thực hiện đúng thủ tục tố tụng;

-Về nội dung:

Vào các năm 2004; 2005, ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của người khác và sau đó, đương sự đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp vào năm 2004 (thửa đất 801) và năm 2007 (thửa đất 802).

Căn cứ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H, thì phần diện tích đất 56,5m² mà đương sự yêu cầu UBND Tp.Vũng Tàu phải ra quyết định thu hồi, bồi thường bổ sung là phần đất không thuộc phạm vi quyền sử dụng đất đã được công nhận. Kể từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 2004; năm 2007) cho đến nay, ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H hoàn toàn không khiếu nại UBND Tp.Vũng Tàu về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự. Mặt khác, nguồn gốc đất là do ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H nhận chuyển nhượng lại từ người khác, không phải là người khai phá trực tiếp.

Với những căn cứ nói trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Thửa đất số 801 (nhà số 1544 đường 30/4 Tp.Vũng Tàu) do ông Phạm Hoài T nhận chuyển nhượng vào ngày 27/07/1992 từ bà Trần Thị Hương; đương sự kê khai, đăng ký vào năm 1993 với diện tích là 410m².

Vào ngày 22/07/2004, ông Phạm Hoài T được UBND Tp.Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 801, tờ bản đồ số 26A (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ308743) với diện tích là 402m² (bao gồm 230m² đất ở và 172m² đất nông nghiệp); vị trí khu đất giáp với vỉa hè đường 30/4 Tp.Vũng Tàu.

[2]Thửa đất số 802 (nhà số 1546 đường 30/4 Tp.Vũng Tàu) do ông Phạm Hoài T nhận chuyển nhượng vào ngày 29/11/2006 từ bà Đỗ Thị Nhung trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 552900 cấp ngày 13/10/2005 cho bà Đỗ Thị Nhung; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này ghi nhận thửa đất 802, tờ bản đồ số 26A có diện tích 615m² (bao gồm 500m² đất ở và 115m² đất trồng cây lâu năm); vị trí khu đất giáp với vỉa hè đường 30/4 Tp.Vũng Tàu. Vào ngày 07/08/2007, ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H đã được cập nhật để đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3]Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì có căn cứ xác định rằng diện tích đất 56,5m² mà ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện, đòi UBND Tp.Vũng Tàu phải ra quyết định thu hồi, bồi thường bổ sung (khi khởi kiện, ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H đòi UBND Tp.Vũng Tàu bồi thường bổ sung 61,2m² theo loại đất ở. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự xác định rằng diện tích thực tế chỉ là 56,5m² và ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H chỉ khiếu nại theo diện tích thực tế này), là diện tích đất không có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho đương sự; nói cách khác, ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H không được công nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất 56,5m² này.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án cũng thể hiện rằng diện tích đất 56,5m² đất nói trên, là đất nằm ngoài hàng rào (đất lề đường), ngoài quyền sử dụng của ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H, là đất thuộc loại đất giao thông.

Mặt khác, quyền sử dụng đất thuộc các thửa 801, 802 tờ bản đồ 26A nói trên có nguồn gốc do ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H nhận chuyển nhượng từ người khác vào các năm 2004; 2006. Sau khi nhận chuyển nhượng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp vào các năm 2004; 2007, mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không công nhận quyền sử dụng 56,5m² đất nói trên cho đương sự, nhưng từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay, ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H không có bất cứ sự khiếu nại nào khác. Đây là bằng chứng thể hiện việc ông Phạm

Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H đã tự thừa nhận rằng đương sự không có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất 56,5m² đang yêu cầu UBND Tp.Vũng Tàu phải ra quyết định thu hồi và bồi thường.

[4] Với những tài liệu, chứng cứ đã phân tích nói trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H, buộc UBND Tp.Vũng Tàu phải ra quyết định thu hồi và bồi thường bổ sung đối với diện tích đất 56,5m² không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H, là không có căn cứ pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 203; Điều 220; Điều 241; Điều 242 của Luật tổ tụng Hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 74; Điều 79; Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013;

1/Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố VT; sửa bản án sơ thẩm số 63/2019/HCTST ngày 29/08/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, như sau:

-Đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H đòi hủy bỏ việc điều chỉnh ngày 21/02/2018 đối với diện tích đất ở trong hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ308743 ngày 22/07/2004 thuộc thửa 801 và số AC 552900 ngày 13/10/2005 thuộc thửa 802 đối với diện tích 47m² đất ở.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoài T, bà Nguyễn Thị Thu H đòi hủy một phần quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố VT và đòi UBND thành phố VT ban hành quyết định thu hồi, bồi thường bổ sung đối với diện tích đất thực tế sử dụng (theo đơn khởi kiện là 63m² nhưng diện tích thực tế là 56,5m²).

-Giữ nguyên quyết định số 7932/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố VT về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Phạm Hoài T về nội dung “*Bác khiếu nại của ông Phạm Hoài T đối với yêu cầu thu hồi, bồi thường bổ sung diện tích 61,2m² theo giá đất ở*”.

2/Về án phí

2.1/Về án phí sơ thẩm: ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số TU/2017/0008332 ngày 06/03/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; ông Phạm Hoài T-bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

2.2/Về án phí phúc thẩm: đương sự không phải chịu. Trả lại cho Ủy ban nhân dân thành phố VT số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số TU/2019/0000479 ngày 25/09/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ,VP, (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng